

Số: **282/2026/QĐST-HNGĐ**

*Quảng Ninh, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; Điều 396 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 292/2026/**TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026** về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Phạm Đức K, sinh năm: 1940;

Địa chỉ: thôn 6, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Trần Thị T, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: thôn 5, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T kết hôn với nhau ngày 18/12/1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn, hai bên đều đã có gia đình riêng, có con riêng nhưng đã ly hôn. Do cùng hoàn cảnh nên ông bà đồng cảm, thấu hiểu với nhau và sau một thời gian tìm hiểu ông bà tự nguyện kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn, ông K và bà T không chung sống với nhau mà mỗi người ở một nơi, sống với con riêng của mình, hai bên đều không thực hiện nghĩa vụ của người vợ, người chồng cho nhau. Đến nay, ông bà đã cao tuổi, không muốn ràng buộc nghĩa vụ, trách nhiệm của vợ chồng đối với nhau nên hai bên thống nhất thuận tình ly hôn.

Đây là hôn nhân hợp pháp, các bên đều thừa nhận tình cảm vợ chồng cho nhau không còn, thống nhất ly hôn trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp

luật nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T thống nhất trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T thống nhất trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T thống nhất ông, bà không vay nợ chung cá nhân, tổ chức nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T cùng là người cao tuổi nên đề nghị được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Đức K và bà Trần Thị T cùng là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- UBND xã Q (GCN kết hôn số 15 ngày 18/12/1998 của UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh);
- Lưu hồ sơ việc DS; VP.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thuý Huyền**

